

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN HAMICO
(Tiền thân là Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Bảo Thu)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2008



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	7 - 17



CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN HAMICO

Khu phố 11, Phường Bình Tân, Thị xã Lagi
Tỉnh Bình Thuận, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần khoáng sản Bình Thuận Hamico (Tiền thân là Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Bảo Thư) (gọi tắt là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo hợp nhất này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Dũng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Quang Thanh	Ủy viên
Ông Võ Ngọc Linh	Ủy viên
Ông Vũ Tuấn Hưng	Ủy viên
Ông Nguyễn Thanh Phong	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Dũng	Tổng Giám đốc
---------------------	---------------

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất từ trang 3 đến trang 17, phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm. Trong việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty mẹ sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Đây là đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Văn Dũng
Tổng Giám đốc

Bình Thuận, ngày 25 tháng 5 năm 2010

2003
ÔNG
NHIỆM
TOÁN V
TÀI CH
XUẤT

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2008	31/12/2007
A TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		12.613.198.065	5.436.570.428
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	2.285.397.734	2.160.106.564
1. Tiền	111		2.285.397.734	2.160.106.564
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Phải thu ngắn hạn	130		9.257.467.588	3.145.959.087
1. Phải thu khách hàng	131		2.696.959.088	3.145.959.087
2. Trả trước cho người bán	132		1.926.948.500	-
5. Các khoản phải thu khác	135	6	4.633.560.000	-
IV. Hàng tồn kho	140		721.234.750	-
1. Hàng tồn kho	141	7	721.234.750	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		349.097.993	130.504.777
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		349.097.993	129.504.777
3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	154		-	1.000.000
B TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		4.258.029.385	860.470.323
II. Tài sản cố định	220		4.205.792.588	813.169.393
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	2.205.287.936	813.169.393
- Nguyên giá	222		2.461.962.044	867.810.476
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(256.674.108)	(54.641.083)
3. Tài sản cố định vô hình	227	9	9.166.666	-
- Nguyên giá	228		10.000.000	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(833.334)	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	1.991.337.986	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		52.236.797	47.300.930
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	52.236.797	47.300.930
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		16.871.227.450	6.297.040.751

T. NHƯ
★
L. AN

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN HAMICO

Khu phố 11, Phường Bình Tân, Thị xã Lagi
 Tỉnh Bình Thuận, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2008	31/12/2007
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		-	-
I. Nợ ngắn hạn	310		5.089.998.955	458.622.364
2. Phải trả người bán	312		4.506.006.854	184.090.889
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	43.327.801	19.739.575
II. Nợ dài hạn	330		540.664.300	254.791.900
4. Vay và nợ dài hạn	334	14	540.664.300	254.791.900
B. NGUỒN VỐN (400=410+430+439)	400		11.781.228.495	5.838.418.387
I. Nguồn vốn chủ sở hữu	410		9.771.609.762	5.838.418.387
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	15	9.600.000.000	5.760.000.000
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		171.609.762	78.418.387
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	16	2.009.618.733	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)	440		16.871.227.450	6.297.040.751



Nguyễn Văn Dũng
 Giám đốc

Bình Thuận, ngày 25 tháng 5 năm 2010

Ngô Đình Hoàng Đức
 Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN HAMICO

Khu phố 11, Phường Bình Tân, Thị xã Lagi
Tỉnh Bình Thuận, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008

MẪU SỐ B 02-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2008	Năm 2007
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	17	21.041.145.337	17.471.618.107
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	17	21.041.145.337	17.471.618.107
4. Giá vốn hàng bán	11	18	19.758.857.875	16.995.294.230
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		1.282.287.462	476.323.877
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		-	-
7. Chi phí tài chính	22		-	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24		170.777.066	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		931.833.811	401.325.395
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		179.676.585	74.998.482
11. Thu nhập khác	31	19	384.276.190	-
12. Chi phí khác	32	19	421.160.958	-
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40	19	(36.884.768)	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		142.791.817	74.998.482
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	20	39.981.709	20.999.575
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		102.810.108	53.998.907
- Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ			93.191.375	-
- Lợi ích của cổ đông thiểu số			9.618.733	-



Nguyễn Văn Dũng
Tổng Giám đốc

Bình Thuận, ngày 25 tháng 5 năm 2010

Ngô Đình Hoàng Đức
Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2008	Năm 2007
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		142.791.817	74.998.482
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ	02		257.507.442	52.059.919
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		400.299.259	127.058.401
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(6.286.518.433)	(3.262.058.116)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(721.234.750)	450.590.000
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		4.338.615.154	184.090.889
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(4.935.867)	(47.300.930)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(16.393.483)	(10.243.111)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(33.904.790)	(90.929.553)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(2.324.072.910)	(2.648.792.420)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(4.035.079.081)	(844.580.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		358.570.761	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(3.676.508.320)	(844.580.000)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		5.840.000.000	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		363.372.000	300.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(77.499.600)	45.208.100
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		6.125.872.400	345.208.100
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		125.291.170	(3.148.164.320)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		2.160.106.564	5.308.270.884
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		2.285.397.734	2.160.106.564



Nguyễn Văn Dũng
Tổng Giám đốc

Bình Thuận, ngày 25 tháng 5 năm 2010

Ngô Đình Hoàng Đức
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN HAMICO

Khu phố 11, Phường Bình Tân, Thị xã Lagi
Tỉnh Bình Thuận, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất

1. THÔNG TIN KHAI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Khoáng sản Bình Thuận Hamico (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty TNHH Thương mại - Xây dựng Bảo Thư, là doanh nghiệp được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh lần thứ nhất số 4702002159 ngày 18 tháng 04 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp. Vốn Điều lệ của Công ty là 5.760.000.000 đồng. Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 4 ngày 14 tháng 11 năm 2008 tăng vốn Điều lệ lên 9.600.000.000 đồng.

Từ ngày 18 tháng 04 năm 2006 đến ngày 04 tháng 11 năm 2009 là Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Bảo Thư. Từ ngày 05 tháng 11 năm 2009 đến nay là Công ty Cổ phần Khoáng sản Bình Thuận Hamico.

Ngày 05 tháng 11 năm 2009, Công ty chuyển thành Công ty Cổ phần Khoáng sản Bình Thuận Hamico theo giấy Đăng ký kinh doanh số 3600802882 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp với vốn Điều lệ là 56.880.000.000 đồng.

Chuyển đổi Đăng ký kinh doanh số 3600802882 ngày 22 tháng 4 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Thuận tăng vốn Điều lệ lên 86.668.000.000 đồng. Đăng ký kinh doanh thay đổi lần 2 ngày 22 tháng 05 năm 2010 tăng vốn Điều lệ lên 128.688.000.000 đồng.

Trụ sở chính của Công ty Cổ phần khoáng sản Bình Thuận Hamico đặt tại: Khu phố 11, Phường Bình Tân, Thị xã Lagi, Tỉnh Bình Thuận.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi; Xây dựng hạ tầng khu dân cư, khu công nghiệp, khu du lịch; San lấp mặt bằng; Mua bán nguyên liệu gốm, sứ, vật liệu xây dựng, máy móc, thiết bị phụ tùng xe cơ giới, phân bón, hoá chất; Mua bán lương thực thực phẩm, hàng nông lâm thủy sản; Mua bán bột đá, bột kaolin, bột cát, bột đất sét đã qua chế biến; Mua bán máy móc ngành nông, ngư nghiệp; Mua bán đất sét, kaolin, kim loại, quặng kim loại; Sàng, lọc, rửa cát; Kinh doanh dịch vụ nhà hàng, ăn uống; Trồng cây hàng năm, lâu năm; Vận tải hàng hoá bằng đường bộ; Khai thác đất; Bốc xếp hàng hoá; Kho bãi và lưu giữ hàng hoá; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (đại lý vận tải biển); Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước; Bán buôn nguyên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; Bán buôn máy móc, thiết bị (thiết bị tàu thuyền); Đóng tàu và sửa chữa tàu thuyền; Khai thác, chế biến khoáng sản; Nạo vét, khai thông luồng lạch; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác; Cho thuê xe có động cơ; Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (đầu tư hạ tầng khu công nghiệp, cảng biển); Vận tải hàng hoá bằng đường thủy nội địa; Đầu tư tài chính; Đầu tư, xây dựng, kinh doanh hạ tầng dân dụng và khu công nghiệp; Gia công cơ khí.

Cơ cấu tổ chức

Công ty con do Công ty mẹ nắm giữ 80% vốn Điều lệ: Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển công nghiệp Bảo Thư vốn Điều lệ 30.000.000.000 đồng.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở cộng gộp các chỉ tiêu trên báo cáo tài chính của Công ty, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển công nghiệp Bảo Thư, sau khi loại trừ các khoản doanh thu, chi phí và các khoản công nợ phải thu, phải trả nội bộ.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỶ KẾ TOÁN (tiếp theo)

Báo cáo tài chính hợp nhất các báo cáo tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi nhuận từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán trong năm được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày việc thu mua có hiệu lực hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa các công ty trong cùng Công ty mẹ được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG CÁC CHUẨN MỰC KẾ TOÁN MỚI

Công ty đã thực hiện các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước ban hành. Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

4.1 Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2 Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất các Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các Công ty do Công ty kiểm soát (các Công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các Công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty mẹ và các Công ty con khác là giống nhau.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN HAMICO

Khu phố 11, Phường Bình Tân, Thị xã Lagi
Tỉnh Bình Thuận, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất

4.2 Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các Công ty trong cùng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết, Công ty liên doanh được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Lợi ích của cổ đông thiểu số được xác định tương ứng với tỷ lệ vốn thực góp của các cổ đông tại thời điểm ngày 31/12 hàng năm

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của Công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty mẹ trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

4.4 Các khoản đầu tư ngắn hạn

Các khoản đầu tư ngắn hạn thể hiện giá trị các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản cho vay, ủy thác quản lý vốn với thời hạn từ trên 3 tháng đến 12 tháng.

4.5 Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ ba tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự theo quy định tại Thông tư số 13/2006/TT-BTC ngày 27/02/2006 của Bộ Tài chính về việc "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp".

4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hoá tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 - "Hàng tồn kho" và Thông tư số 13/2006/TT-BTC ngày 27/02/2006 của Bộ Tài chính về việc "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp".

11/11/2008

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN HAMICO

Khu phố 11, Phường Bình Tân, Thị xã Lagi

Tỉnh Bình Thuận, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất***4.7 Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với quy định tại Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc và thiết bị	5 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 20
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 8
Tài sản cố định hữu hình khác	5 - 10

4.8 Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, thể hiện giá trị quyền sử dụng đất, phần mềm máy tính của Công ty. Giá trị quyền sử dụng đất được trích khấu hao theo thời hạn sử dụng được cấp bởi các cơ quan có thẩm quyền. Giá trị phần mềm kế toán được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm phù hợp với quy định tại Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

4.9 Đầu tư vào Công ty liên kết

Công ty liên kết là một Công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là Công ty con hay Công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các Công ty liên kết được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của Công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của Công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại Công ty liên kết đó không được ghi nhận.

4.10 Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Công ty lập Báo cáo về các khoản lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN HAMICO

Khu phố 11, Phường Bình Tân, Thị xã Lagi

Tỉnh Bình Thuận, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất***4.11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các khoản chi đầu tư để hình thành tài sản cố định (chi phí mua sắm tài sản cố định, đầu tư xây dựng cơ bản) và chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định còn chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính. Chi phí xây dựng cơ bản được ghi nhận theo giá gốc. Tài sản sau khi kết thúc quá trình đầu tư sẽ được trích khấu hao giống như các tài sản cố định khác, bắt đầu từ khi được bàn giao đưa vào sử dụng.

4.12 Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các khoản trả trước dài hạn được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Riêng đối với giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh với thời hạn không quá 2 năm.

4.13 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

4.14 Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

4.15 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

4.16 Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN HAMICO

Khu phố 11, Phường Bình Tân, Thị xã Lagi
 Tỉnh Bình Thuận, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**MÃU SỐ B 09-DN**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất

4.16 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2008	31/12/2007
	VND	VND
Tiền mặt	2.284.397.733	2.160.106.564
Tiền gửi ngân hàng	1.000.000	-
Cộng	2.285.397.733	2.160.106.564

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2008	31/12/2007
	VND	VND
<i>Các đối tượng</i>		
Lê Minh Hoa	3.673.560.000	-
Phan Châu	960.000.000	-
Cộng	4.633.560.000	-

7. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2008	31/12/2007
	VND	VND
Hàng hoá	721.234.750	-
Cộng	721.234.750	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Cộng	721.234.750	-

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN HAMICO

Tổ 8, Phước Hải, Thị trấn Long Thành, Huyện Long Thành

Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

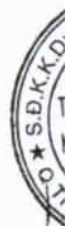
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất***8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Số dư tại 31/12/2007	360.000.000	471.580.000	36.230.476	867.810.476
Tăng trong năm	1.481.523.953	537.560.000	14.657.143	2.033.741.096
<i>Mua trong năm</i>	<i>1.481.523.953</i>	<i>537.560.000</i>	<i>14.657.143</i>	<i>2.033.741.096</i>
Giảm trong năm	439.589.528	-	-	439.589.528
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	<i>439.589.528</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>439.589.528</i>
Số dư tại 31/12/2008	<u>1.401.934.425</u>	<u>1.009.140.000</u>	<u>50.887.619</u>	<u>2.461.962.044</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư tại 31/12/2007	8.571.428	31.438.668	14.630.987	54.641.083
Tăng trong năm	136.267.365	65.836.778	21.357.452	223.461.595
<i>Khấu hao trong năm</i>	<i>136.267.365</i>	<i>65.836.778</i>	<i>21.357.452</i>	<i>223.461.595</i>
Giảm trong năm	21.428.570	-	-	21.428.570
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	<i>21.428.570</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>21.428.570</i>
Số dư tại 31/12/2008	<u>123.410.223</u>	<u>97.275.446</u>	<u>35.988.439</u>	<u>256.674.108</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại 31/12/2007	<u>351.428.572</u>	<u>440.141.332</u>	<u>21.599.489</u>	<u>813.169.393</u>
Tại 31/12/2008	<u>1.278.524.202</u>	<u>911.864.554</u>	<u>14.899.180</u>	<u>2.205.287.936</u>

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại 31/12/2007	-	-
Tăng trong năm	10.000.000	10.000.000
<i>Mua trong năm</i>	<i>10.000.000</i>	<i>10.000.000</i>
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại 31/12/2008	<u>10.000.000</u>	<u>10.000.000</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại 31/12/2007	-	-
Tăng trong năm	833.334	833.334
<i>Khấu hao trong năm</i>	<i>833.334</i>	<i>833.334</i>
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại 31/12/2008	<u>833.334</u>	<u>833.334</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại 31/12/2007	<u>-</u>	<u>-</u>
Tại 31/12/2008	<u>9.166.666</u>	<u>9.166.666</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN HAMICO

Tổ 8, Phước Hải, Thị trấn Long Thành, Huyện Long Thành

Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất***10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG**

	31/12/2008 VND	31/12/2007 VND
Dự án Khu chuyển tải	1.991.337.986	-
Cộng	1.991.337.986	-

11. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

	31/12/2008 VND	31/12/2007 VND
Công ty CP Đầu tư và PT Công nghiệp Bảo Thư (*)	8.000.000.000	-
Cộng	8.000.000.000	-

(*) Năm 2008 Công ty đầu tư vào Công ty con Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Bảo thư với tỷ lệ 80% trên số vốn Điều lệ 30.000.000.000 đồng, số tiền thực góp trong năm là 8.000.000.000 đồng.

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Năm 2008 VND	Năm 2007 VND
Số dư tại 01/01	47.300.930	-
<i>Tăng trong năm</i>	<i>229.909.690</i>	<i>64.736.911</i>
<i>Kết chuyển chi phí trong năm</i>	<i>224.973.823</i>	<i>17.435.981</i>
Số dư tại 31/12	52.236.797	47.300.930

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2008 VND	31/12/2007 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	43.327.801	19.739.575
Cộng	43.327.801	19.739.575

1020
CÔ
IACH
EM T
T
1NH

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN HAMICO

Tổ 8, Phước Hải, Thị trấn Long Thành, Huyện Long Thành

Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất***14. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

	31/12/2008	31/12/2007
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Biên Hoà	363.372.000	-
Hợp đồng tín dụng từng lần số 08011XE -18 ngày 25/9/2008. Số tiền vay 300.000.000 đồng, thời hạn vay 36 tháng, lãi suất được điều chỉnh vào ngày làm việc đầu tiên hàng quý. Mục đích sử dụng tiền vay mua xe ô tô Ford. Tài sản đảm bảo hình thành từ khoản vay.	363.372.000	-
Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín - PGD Biên Hoà	177.292.300	254.791.900
Hợp đồng tín dụng số 568 ngày 18/5/2007. Số tiền vay 310.000.000 đồng, lãi suất năm đầu 1,1%/tháng, các năm tiếp theo lãi suất điều chỉnh 6 tháng 1 lần, thời hạn vay 48 tháng. Mục đích sử dụng tiền vay mua xe ô tô. Tài sản đảm bảo là 01 chiếc ô tô Chevoret.	177.292.300	254.791.900
Cộng	540.664.300	254.791.900

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư tại 31/12/2006	5.760.000.000	24.419.480	5.784.419.480
Tăng trong năm	-	53.998.907	53.998.907
Lãi	-	53.998.907	53.998.907
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại 31/12/2007	5.760.000.000	78.418.387	5.838.418.387
Số dư tại 31/12/2007	5.760.000.000	78.418.387	5.838.418.387
Tăng trong năm	3.840.000.000	93.191.375	3.933.191.375
Tăng vốn	3.840.000.000	-	3.840.000.000
Lãi	-	93.191.375	93.191.375
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại 31/12/2008	9.600.000.000	171.609.762	9.771.609.762

Chi tiết vốn Đầu tư của chủ sở hữu

	Năm 2008 VND	Năm 2007 VND
Ông Nguyễn Văn Dũng	4.800.000.000	5.760.000.000
Bà Nguyễn Thị Mai	4.800.000.000	-
Cộng	9.600.000.000	5.760.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN HAMICO

Tổ 8, Phước Hải, Thị trấn Long Thành, Huyện Long Thành

Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**MÃU SỐ B 09-DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất***16. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ**

	31/12/2008 VND	31/12/2007 VND
Nguồn vốn kinh doanh	2.000.000.000	-
Lợi nhuận chưa phân phối	9.618.733	-
Cộng	2.009.618.733	-

17. DOANH THU THUẬN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2008 VND	Năm 2007 VND
Doanh thu bán hàng	21.041.145.337	17.471.618.107
Doanh thu thuần	21.041.145.337	17.471.618.107

18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2008 VND	Năm 2007 VND
Giá vốn của hàng hóa đã đã cung cấp	19.758.857.875	16.995.294.230
Cộng	19.758.857.875	16.995.294.230

19. LỢI NHUẬN KHÁC

	Năm 2008 VND	Năm 2007 VND
Thu nhập khác		
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	384.276.190	-
Cộng	384.276.190	-
Chi phí khác		
Giá trị còn lại của tài sản cố định đã thanh lý	421.160.958	-
Cộng	421.160.958	-
Lợi nhuận từ hoạt động khác	(36.884.768)	-

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN HAMICO

Tổ 8, Phước Hải, Thị trấn Long Thành, Huyện Long Thành
 Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất

20. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2008 VND	Năm 2007 VND
Lợi nhuận/ (Lỗ) trước thuế	142.791.817	74.998.482
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	-	-
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	-	-
Thu nhập chịu thuế	142.791.817	74.998.482
Thuế suất	28%	28%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	39.981.709	20.999.575
Cộng	39.981.709	20.999.575

21. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ

Không có bất kỳ sự kiện quan trọng nào khác cần điều chỉnh hoặc thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2008.

22. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh được lấy theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn tài chính.



Nguyễn Văn Dũng
 Tổng Giám đốc
 Bình Thuận, ngày 25 tháng 5 năm 2010

Ngô Đình Hoàng Đức
 Kế toán trưởng

